TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN ÁN SỐ: 237/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2026
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Quang Anh Thư;

2. Bà Phạm Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 601/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Đ, sinh năm 1984;

Căn cước công dân số: 072184003157, ngày cấp: 08-4-2024, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: khu phố A, phường A, tỉnh Tây Ninh;

Bị đơn: Anh Phan Tấn Q, sinh năm 1982;

Căn cước công dân số: 072082010731, ngày cấp: 09-8-2021, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: khu phố A, phường A, tỉnh Tây Ninh.

Chị Đ và anh Q xin vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thu Đ trình bày: Chị và anh Phan Tấn Q chung sống vợ chồng từ năm 2002, có qua tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A,

thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường A, tỉnh Tây Ninh) ngày 13-8-2002. Nữ trang vàng cưới gồm: 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 24K, 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24K và 01 cặp nhẫn 02 chỉ vàng 24K, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã bán sử dụng chung trong gia đình. Sau khi cưới vợ chồng sống chung bên gia đình cha mẹ ruột chị tại khu phố A, phường A, tỉnh Tây Ninh, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh Q cờ bạc, kinh tế gia đình gặp khó khăn, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi, vẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10-2025 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai không có gặp nhau để bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung Phan Nguyễn Tấn Đ1, sinh ngày 28-10-2002 đã thành niên tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Phan Tấn Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu Đ chung sống từ năm 2002, có qua tìm hiểu trước, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng theo chị Đ trình bày là đúng. Nay anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung Phan Nguyễn Tấn Đ1, sinh ngày 28-10-2002 đã thành niên tự lao động sinh sống được, anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Đ đối với anh Phan Tấn Q.

- Về con chung: Đã thành niên, có khả năng lao động, tự lo cho cuộc sống được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Án phí sơ thẩm hôn nhân: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đ và bị đơn anh Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên vụ án vẫn được xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh Q, do cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh Q cờ bạc, kinh tế gia đình gặp khó khăn, chị Đ có khuyên nhiều lần nhưng anh Q không thay đổi, vẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10-2025 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai không có gặp nhau để bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, nên tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh Q ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Đ và anh Q thống nhất có 01 con chung Phan Nguyễn Tấn Đ1, sinh ngày 28-10-2002 đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Chị Đ và anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh là có căn cứ.

[3] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Đ đối với anh Phan Tấn Q.

Chị Nguyễn Thị Thu Đ được ly hôn với anh Phan Tấn Q.

Về con chung: Cháu Phan Nguyễn Tấn Đ1, sinh ngày 28-10-2002 đã thành niên, tự lao đồng sinh sống được. Chị Đ và anh Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ghi nhận chị Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010403 ngày 14-5-2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh được khấu trừ.

Báo cho các bên đương sự biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đất hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường An Tịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN TÂM